

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 775/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2022.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túy Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc
2. Bà Nguyễn Phước Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thanh L, sinh năm 1994

Địa chỉ: Số 21/10/6, đường TTH, Ấp 2A, xã HP, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần DA B, sinh năm 1994

Địa chỉ: Số 21/10/6, đường TTH, Ấp 2A, xã HP, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 104, đường THD, phường HX, quận CL, thành phố ĐN. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 18 tháng 02 năm 2021, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Phan Thanh L trình bày như sau:

Bà và ông Trần DA B tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 09/3/2018.

Sau khi kết hôn, bà và ông B sống bên gia đình nhà bà tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, bà và ông B chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2021, bà và ông B bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, khác biệt nhau về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng không còn chăm sóc, quan tâm lẫn nhau nữa. Sau buổi hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13/4/2021 giữa bà và ông B không thỏa thuận được việc chăm sóc, nuôi dưỡng con nên ông B trở về Đà Nẵng sinh sống. Bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà và ông B có 01 con chung tên Trần Bảo A, sinh ngày 03/9/2018. Bà xin trực tiếp nuôi con chung. Bà tự nguyện không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Bị đơn ông Trần DA B trình bày tại tự khai ngày 20/4/2022 như sau:

Ngày 18/02/2021, ông có cùng bà L làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa ông và bà Phan Thanh L. Sau đó, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi có mời ông và bà L đến tòa để hòa giải.

Sau buổi hòa giải ông trở về Đà Nẵng sinh sống. Tòa án có mời ông đến Tòa lại để giải quyết đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng do tình hình dịch Covid-19 diễn ra phức tạp, ông không thể vào lại Thành phố Hồ Chí Minh. Về đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ông xin rút lại đơn yêu cầu. Nếu bà L vẫn giữ yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đơn yêu cầu của bà L. Ông đồng ý ly hôn với bà L vì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra không thể hàn gắn được.

Về con chung: Ông và bà L có một con chung tên Trần Bảo A, sinh ngày 03/9/2018, ông đồng ý giao con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông xin không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông xác định không có.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

Khi ông nộp đơn đã chọn Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết nên nay ông vẫn đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Củ Chi tiếp tục giải quyết vụ ly hôn của ông và bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ đơn xin ly hôn ghi ngày 18 tháng 02 năm 2021, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là trA chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 04/3/2021, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi thụ lý việc dân sự yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn theo yêu cầu của bà Phan ThA L và ông Trần DA B. Do các đương sự không thỏa thuận được vấn đề trông nom, nuôi dưỡng con nên theo quy định tại khoản 5 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định trong trường hợp hòa giải đoàn tụ không thành và các bên không thỏa thuận được về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì Tòa án đình chỉ giải quyết việc dân sự về công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn và thụ lý vụ án để giải quyết. Tòa án không phải thông báo về việc thụ lý vụ án. Việc giải quyết vụ án được thực hiện theo thủ tục chung do Bộ luật này quy định. Trong quá trình giải quyết, ông B không thể đến Tòa án để giải quyết vụ việc nên không thỏa thuận được các vấn đề nêu trên với bà L và ông B có đơn xin rút lại yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con. Bà L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông B.

Tại đơn đề nghị ngày 20/4/2022, bị đơn ông Trần DA B trình bày trong thời gian nộp đơn xin ly hôn, ông vẫn cư trú tại địa chỉ: Số 21/10/6, đường TTH, Ấp 2A, xã HP, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án đang giải quyết thì ông đã thay đổi nơi cư trú và chuyển đến địa chỉ Số 104, đường THD, phường HX, quận CL, thành phố ĐN. Căn cứ khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Trong trường hợp vụ án dân sự đã được Tòa án thụ lý và đang giải quyết theo đúng quy định của Bộ luật này về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì phải được Tòa án đó tiếp tục giải quyết mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án có sự thay đổi nơi cư trú, trụ sở hoặc địa chỉ giao dịch của đương sự”*. Bên cạnh đó, bà L và ông B đều có đơn đề nghị lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Củ Chi tiếp tục giải quyết vụ án. Như vậy vụ án vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Bị đơn ông B có đơn xin vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà L:

Bà L và ông B tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 09/3/2018, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn phát sinh: Bà L trình bày thời gian đầu, bà và ông B sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2021, bà và ông B bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, khác biệt nhau về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng không còn chăm sóc, quan tâm lẫn nhau nữa. Ông B xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm, đồng thời giải quyết các mâu thuẫn phát sinh. Tuy nhiên, bà L và ông B đều đồng ý ly hôn không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua đó đã

thể hiện bà L, ông B không có nguyện vọng đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Đồng thời, bà L và ông B đã sống ly thân từ năm 2021. Xét thấy, bà L và ông B không còn tạo điều kiện cho nhau để thực hiện quyền, nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn kéo dài, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[3]. Về con chung: Bà L và ông B có 01 con chung Trần Bảo A, sinh ngày 03/9/2018. Bà L xin trực tiếp nuôi con chung và ông B đồng ý giao cháu A cho bà L nuôi dưỡng. Nhằm tạo điều kiện để cháu A phát triển bình thường cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu, sau khi xem xét về điều kiện để nuôi con của bà L, Hội đồng xét xử xét căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu A cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[5]. Về tài sản chung: Bà L và ông B xác định không có. Về nợ chung: Bà L và ông B xác định không có. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[6]. Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định là phù hợp. Do ông B rút lại yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 366 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 18 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì số tiền tạm ứng lệ phí Tòa án 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) mà ông B đã tạm nộp (do bà L nộp thay) theo biên lai số 0085750 ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi được sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; điểm c khoản 2 Điều 366; khoản 5 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Phan ThA L và ông Trần DA B.

2. Về con chung:

Giao bà L được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Bảo A, sinh ngày 03/9/2018. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung: Bà L và ông B xác định không có. Về nợ chung: Bà L và ông B xác định không có.

4. Đình chỉ giải quyết việc dân sự về công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn.

5. Về lệ phí Tòa án: Số tiền tạm ứng 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) mà ông B đã tạm nộp (do bà L nộp thay) theo biên lai số 0085750 ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi được sung vào công quỹ nhà nước.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà L phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng bà L đã nộp là 150.000đ (Một trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0085750 ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà L phải nộp bổ sung số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Túy Phượng